



pái shuǐ

排水

verb-object phrase · drain water

Example Sentences

zhè ge shuǐ chí pái shuǐ hěn kuài

这个水池排水很快。

This pool drains water very quickly.

bào yǔ guò hòu gōng rén máng zhe pái shuǐ

暴雨过后，工人忙着排水。

After the heavy rain, workers were busy draining water.

Trace each character, then write the word on your own.

排	排	排	排	排	排	排	排	排	排	排
排	排	排								

水	水	水	水	水	水	水				
